

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

Số: 21/2014/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Tây Ninh, ngày 13 tháng 8 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy hoạch phát triển hoạt động khoa học và công nghệ
tỉnh Tây Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP, ngày 27/01/2014 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND, ngày 16 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh về Quy hoạch phát triển hoạt động khoa học và công nghệ tỉnh Tây Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tây Ninh tại Tờ trình số 45/TTr-KHCN, ngày 31 tháng 7 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành “Quy hoạch phát triển hoạt động khoa học và công nghệ tỉnh Tây Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030” với những nội dung sau:

I. Quan điểm phát triển khoa học và công nghệ

1. Khoa học và công nghệ phải tạo được bước phát triển đột phá về lực lượng sản xuất, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2. Tăng cường đầu tư và ưu tiên đầu tư cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ và các sản phẩm chủ lực của tỉnh. Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động mọi nguồn lực, đặc biệt là của các doanh nghiệp cho đầu tư phát triển khoa học và công nghệ.

3. Phát triển thị trường khoa học và công nghệ của tỉnh gắn với thực thi pháp luật về sở hữu trí tuệ nhằm thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ, khuyến khích sáng tạo khoa học và công nghệ.

4. Hội nhập về khoa học và công nghệ là mục tiêu, đồng thời là giải pháp quan trọng để góp phần đưa khoa học và công nghệ tỉnh sớm đạt trình độ quốc gia và quốc tế. Khai thác triệt để những thành tựu khoa học và công nghệ đã có.

5. Phát triển khoa học và công nghệ phải dựa trên cơ sở khai thác có hiệu quả lợi thế của tỉnh.

II. Mục tiêu phát triển khoa học và công nghệ

1. Mục tiêu chung

Phát triển khoa học và công nghệ phải góp phần đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh theo hướng phát triển bền vững, nhằm đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020; Nâng cao trình độ phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh đạt mức trung bình tiên tiến so với cả nước với các chỉ tiêu về nguồn nhân lực khoa học và công nghệ, mức đầu tư cho nghiên cứu triển khai và xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, để hoạt động khoa học và công nghệ đủ khả năng đáp ứng các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và trở thành động lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

Trong giai đoạn 2015 - 2020, khoa học và công nghệ tỉnh Tây Ninh phấn đấu đạt các nhóm mục tiêu, chỉ tiêu sau đây:

a) Nhóm mục tiêu phát triển khoa học và công nghệ gắn liền với phát triển kinh tế - xã hội.

- Yếu tố năng suất tổng hợp (TFP) từ hoạt động khoa học và công nghệ đóng góp vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh đến năm 2015 đạt 35%, năm 2020 đạt 40%.

- Phần đầu đổi mới công nghệ tăng bình quân từ 15%/năm; tỷ lệ sử dụng công nghệ cao khoảng 20%.

b) Nhóm mục tiêu về tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ của tỉnh; tăng cường mối liên kết khoa học và công nghệ giữa Tây Ninh và các tỉnh khác trong khu vực.

- Phát triển hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ.

+ Hình thành từ 2-3 doanh nghiệp khoa học và công nghệ và 01 khu nông nghiệp công nghệ cao với các cơ sở sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, tạo ra ngành nghề mới, sản phẩm mới, hàng hóa có chất lượng mới.

+ Đưa từ 2-3 tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ công lập của tỉnh trở thành những đơn vị nòng cốt trong nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ đạt trình độ Quốc gia. Tập trung các đề tài, dự án khoa học và công nghệ phục vụ thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và hỗ trợ các doanh nghiệp nâng cao sức cạnh tranh.

- Phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ.

+ Phát triển mạnh nguồn nhân lực khoa học và công nghệ, xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ có trình độ cao, chuyên gia công nghệ giỏi và đội ngũ công nhân lành nghề, công nhân kỹ thuật bậc cao đủ về số lượng và có chất lượng tốt, đủ sức tiếp thu, thích ứng, cải tiến và đưa vào ứng dụng có hiệu quả các tiên bộ khoa học và công nghệ mới vào sản xuất và đời sống.

+ Kết hợp giữa phát triển nguồn nhân lực với việc bố trí lại lực lượng khoa học và công nghệ của tỉnh theo hướng tập trung cao vào các ngành, lĩnh vực ưu tiên và các đối tượng ưu tiên trong quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

+ Phấn đấu đến năm 2015 có một cán bộ chuyên trách về khoa học và công nghệ cấp huyện.

- Đầu tư tài chính cho khoa học và công nghệ: Ưu tiên hàng đầu trong việc bố trí ngân sách cho KH&CN. Phấn đấu tăng nhanh tỷ lệ đầu tư cho KH&CN, tăng cường huy động các nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh cho hoạt động KH&CN.

- Phát triển thị trường công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động chuyển giao công nghệ diễn ra mạnh mẽ trên địa bàn tỉnh. Kết nối với thị trường khoa học và công nghệ trong vùng, quốc gia và quốc tế.

c) Nhóm mục tiêu về đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ.

- Tạo bước chuyển biến cơ bản trong đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ. Đổi mới cơ chế xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ; cơ chế tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; cơ chế đánh giá, nghiệm thu và sử dụng kết quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Nâng cao hiệu quả quản lý các hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng và sở hữu trí tuệ nhằm góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế.

d) Nhóm mục tiêu về phát triển khoa học và công nghệ gắn với xây dựng cơ chế, chính sách của tỉnh.

Phát triển khoa học và công nghệ, nhất là trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn cần gắn chặt với quá trình xây dựng các cơ chế, chính sách của tỉnh.

3. Tầm nhìn đến năm 2030

a) Sau năm 2020, Tây Ninh phấn đấu trở thành một tỉnh công nghiệp với hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, gắn liền với sự phát triển kết cấu hạ tầng của vùng đô thị TP.Hồ Chí Minh và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

b) Từ năm 2020 đến năm 2030, Tây Ninh hướng đến mục tiêu khoa học và công nghệ có khả năng sáng tạo các công nghệ mới, làm chủ nhiều công nghệ cao, góp phần đưa sự nghiệp phát triển kinh tế của tỉnh hướng đến một nền kinh tế tri thức, tạo lập cơ sở thực tiễn để quá trình phát triển thực sự bền vững trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

III. Phương án quy hoạch phát triển khoa học và công nghệ lựa chọn

1. Yếu tố năng suất tổng hợp (TFP) từ hoạt động khoa học và công nghệ đóng góp vào GDP năm 2015 đạt 35%, năm 2020 đạt 40%.

2. Đầu tư toàn xã hội cho khoa học và công nghệ /GDP năm 2015 là 1,5% và năm 2020 là 2%.

3. Tỷ lệ lao động khoa học và công nghệ trên tổng số lao động trong các ngành kinh tế năm 2015 đạt 1:19, tương ứng là 38.000 người và năm 2020 đạt 1:13, tương ứng là 60.600 người.

IV. Các nhiệm vụ chính của khoa học và công nghệ trong giai đoạn quy hoạch

1. Các chương trình áp dụng khoa học và công nghệ vào các lĩnh vực kinh tế.

2. Các chương trình phục vụ phát triển bền vững.

3. Các chương trình phục vụ nâng cao tiềm lực và đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ.

4. Các đề án, dự án phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ.

5. Nhu cầu vốn đầu tư (kèm theo Phụ lục I và Phụ lục II)

a) Tổng vốn dự kiến đầu tư cho giai đoạn 2015 - 2030 là 293 tỷ đồng.

b) Phân kỳ vốn cho các giai đoạn:

- Giai đoạn 2015 - 2020: 144 tỷ đồng.

- Giai đoạn 2021 - 2030: 149 tỷ đồng.

V. Các giải pháp thực hiện quy hoạch

1. Tăng cường nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí của khoa học và công nghệ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

a) Tiếp tục tuyên truyền về vị trí, vai trò của khoa học và công nghệ, tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động; coi khoa học và công nghệ là động lực phát triển kinh tế - xã hội, là quốc sách hàng đầu.

b) Tăng cường hệ thống thông tin, tư liệu khoa học và công nghệ của tỉnh, cập nhật và phổ biến rộng rãi thông tin đến đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ, đồng đào tạo lớp nhân dân với nhiều hình thức đa dạng phong phú; động

viên mọi tầng lớp nhân dân, nhất là đội ngũ trí thức tích cực tham gia vào các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống.

2. Đổi mới cơ chế, chính sách phát triển khoa học và công nghệ

a) Đổi mới quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh, trong đó chuyển đổi cơ chế hoạt động của các tổ chức khoa học và công nghệ.

b) Đổi mới việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hướng phân cấp mạnh, nâng cao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức khoa học và công nghệ.

c) Có cơ chế tài chính, tín dụng phù hợp đối với các hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.

d) Xây dựng một số cơ chế, chính sách hỗ trợ về tài chính, đất đai, đào tạo nghề, phát triển nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp, cơ sở áp dụng công nghệ mới và đổi mới công nghệ sản xuất; hỗ trợ các doanh nghiệp ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất và phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

3. Xã hội hoá hoạt động khoa học và công nghệ, huy động sự đóng góp trí tuệ và vật chất cho sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh

a) Xã hội hóa việc xây dựng hệ thống các tổ chức khoa học và công nghệ. Đổi mới mô hình hoạt động đối với một số tổ chức khoa học và công nghệ công lập. Tạo điều kiện thành lập các tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập, để thu hút các nguồn lực cho phát triển khoa học và công nghệ.

b) Xã hội hoá việc phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ, góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho phát triển khoa học và công nghệ.

c) Xã hội hoá các nguồn vốn để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Xây dựng cơ chế, chính sách để khuyến khích các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp đầu tư để phát triển khoa học và công nghệ.

d) Nâng cao chất lượng Hội thi sáng tạo khoa học và kỹ thuật. Phát huy vai trò tư vấn, phản biện và giám định xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các Tổ chức chính trị - xã hội và các Tổ chức xã hội, nghề nghiệp.

4. Đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ chuyên nghiệp, trình độ cao

a) Xây dựng kế hoạch đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ có trình độ cao trên các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội.

b) Xây dựng sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách thu hút nguồn nhân lực có trình độ, chuyên môn trong các lĩnh vực công nghệ cao.

c) Xây dựng kế hoạch và chính sách ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ, công chức quản lý Nhà nước về khoa học và công nghệ.

5. Đẩy mạnh việc xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động khoa học và công nghệ, đặc biệt đối với các lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên.

a) Xây dựng hệ thống phòng thí nghiệm, phân tích, thử nghiệm, kiểm nghiệm chất lượng trong tỉnh đạt tiêu chuẩn quốc gia, tiến tới đạt tiêu chuẩn quốc tế.

b) Xây dựng hệ thống các tổ chức khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là chuyển giao, ứng dụng khoa học và công nghệ trong nông nghiệp và nông thôn, các lĩnh vực, ngành mà tỉnh ưu tiên đầu tư phát triển như công nghệ cao, công nghệ mới, hiện đại, đạt tiêu chuẩn về trang thiết bị, với đội ngũ cán bộ có chuyên môn cao.

6. Tăng cường hợp tác quốc tế và trong nước

a) Tăng cường hợp tác quốc tế và trong nước, trong lĩnh vực chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất, đặc biệt là trong các lĩnh vực công nghệ ưu tiên.

b) Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thu hút các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao và công nghiệp công nghệ cao.

c) Hợp tác trong nước và quốc tế trong lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho phát triển khoa học và công nghệ.

d) Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, phòng chống vi phạm quyền sở hữu công nghiệp, quyền tác giả.

7. Phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

a) Xây dựng cơ chế hỗ trợ cho các tổ chức khoa học và công nghệ nghiên cứu và ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật có khả năng tạo ra các sản phẩm khoa học và công nghệ có tính cạnh tranh trên thị trường.

b) Đẩy mạnh đổi mới công nghệ và áp dụng công nghệ mới để tạo ra thị trường khoa học và công nghệ.

c) Khuyến khích các doanh nghiệp tham gia chợ thiết bị công nghệ Techmart để có điều kiện mua bán và quảng bá công nghệ, thiết bị.

- Tăng cường nghiên cứu đầu tư xây dựng sàn giao dịch thiết bị, công nghệ, xây dựng cơ sở dữ liệu cho chợ ảo thiết bị và công nghệ.

8. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ.

a) Tiếp tục thực hiện đổi mới thể chế, bộ máy quản lý và cải cách hành chính trong quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ theo hướng tập trung vào nhiệm vụ quản lý nhà nước, tách bạch với các nhiệm vụ sự nghiệp.

b) Xây dựng cơ chế đặt hàng các nhiệm vụ nghiên cứu - triển khai khoa học và công nghệ (RD) cho các tổ chức khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

c) Xây dựng hoặc điều chỉnh bổ sung cơ chế quản lý các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm.

d) Đẩy mạnh công tác quản lý khoa học và công nghệ, đặc biệt là trong lĩnh vực quản lý công nghệ để có biện pháp ngăn chặn kịp thời các công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường đầu tư vào Tây Ninh.

đ) Tăng cường công tác thanh, kiểm tra trong các lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ, đặc biệt là các lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng, sở hữu trí tuệ, quản lý công nghệ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Giao Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức công bố Quy hoạch này đến các tổ chức, cá nhân có liên quan. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện Quy hoạch, kiểm tra, theo dõi việc thực hiện Quy hoạch, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Quy hoạch cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- BTP;
- TT: TU, HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VP.UBND tỉnh.

S 1306



Trần Lưu Quang

Phụ lục I
CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ
CÔNG NGHỆ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2015-2020

*(Kèm theo Quyết định số 21/2014/QĐ-UBND, ngày 13 tháng 8 năm 2014
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

STT	Chương trình/đề án, dự án	Dự kiến kinh phí giai đoạn (tr.đ)		Tổng kinh phí dự kiến (tr.đ)
		2015-2017	2018-2020	
I	Nhóm các chương trình áp dụng khoa học và công nghệ vào các lĩnh vực kinh tế của tỉnh			
1	Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn	10.000	15.000	25.000
2	Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ các sản phẩm đặc thù và có lợi thế so sánh của tỉnh	5.000	10.000	15.000
3	Chương trình nghiên cứu và triển khai, đổi mới công nghệ cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	6.000	8.000	14.000
II	Nhóm các đề án lĩnh vực công nghệ cao			
	Đề án "Xây dựng Trung tâm sinh học nông nghiệp công nghệ cao"	20.000	40.000	60.000
III	Nhóm các chương trình phục vụ nâng cao tiềm lực và đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ			
1	Chương trình phát triển thị trường công nghệ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	2.000	3.000	5.000
2	Đề án hình thành quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh	5.000	10.000	15.000
IV	Chương trình phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ			
	Dự án phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ	4.000	6.000	10.000
Tổng cộng :		52.000	92.000	144.000

Phụ lục II
CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2021-2030

*(Kèm theo Quyết định số 21/2014/QĐ-UBND, ngày 13 tháng 8 năm 2014
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

STT	Chương trình/đề án, dự án	Dự kiến kinh phí giai đoạn (tr.đ)		Tổng kinh phí dự kiến (tr.đ)
		2021-2025	2026-2030	
I	Nhóm các chương trình áp dụng KH&CN vào các lĩnh vực kinh tế của tỉnh			
1	Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ các ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	4.000	6.000	10.000
2	Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ du lịch	3.000	3.000	6.000
3	Chương trình nghiên cứu và triển khai, đổi mới công nghệ cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	6.000	4.000	10.000
II	Nhóm các chương trình phục vụ phát triển bền vững			
1	Chương trình Khoa học xã hội và nhân văn và Khoa học quản lý	5.000	5.000	10.000
2	Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục và đào tạo	3.000	5.000	8.000
3	Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ y dược	4.000	6.000	10.000
4	Chương trình khoa học và công nghệ điều tra cơ bản, khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường	6.000	4.000	10.000
III	Nhóm các chương trình phục vụ nâng cao tiềm lực và đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ			
	Chương trình tăng cường hợp tác khoa học và công nghệ, giáo dục đào tạo và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	2.000	3.000	5.000
IV	Chương trình phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ			
	Dự án đầu tư tăng cường cơ sở vật chất khoa học và công nghệ	50.000	30.000	80.000
	Tổng cộng	83.000	66.000	149.000

